

Số /TB-SNNMT

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2025

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TTBTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Kế hoạch số 1452/KH-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá tại phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 637/QĐ-SNNMT ngày 28/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 08 khu vực mỏ đợt 1 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình;
- Địa chỉ: 39 Trần Quang Khải, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

Tổng số gồm 08 khu vực mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đưa ra đấu giá, cụ thể:

2.1. Quyền khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 4,77 ha.
- Trữ lượng: 3.080.390 m³
- Giá khởi điểm: 12.861.398.000 đồng.

(*Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn*).

2.2. Quyền khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 3,56 ha.
- Trữ lượng: 311.824 m³
- Giá khởi điểm: 1.169.527.000 đồng.

(*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng chẵn*).

2.3. Quyền khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 2,16 ha.
- Trữ lượng: 187.492 m³
- Giá khởi điểm: 338.288.000 đồng.

(*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn*).

2.4. Quyền khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Đồng Hòa, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 3,5 ha.
- Trữ lượng: 283.070 m³
- Giá khởi điểm: 511.132.000 đồng.

(*Bảng chữ: Năm trăm mười một triệu, một trăm ba mươi hai ngàn đồng chẵn*).

2.5. Quyền khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Nghĩa Ninh (khu vực 2), thành phố Đồng Hới (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 3,0 ha.
- Trữ lượng: 267.238 m³
- Giá khởi điểm: 497.728.000 đồng.

(*Bảng chữ: Bốn trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng chẵn*).

2.6. Quyền khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Thôn 2, xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 4,53 ha.
- Trữ lượng: 261.179 m³
- Giá khởi điểm: 461.027.000 đồng.

(*Bảng chữ: Bốn trăm sáu mươi một triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn đồng chẵn*).

2.7. Quyền khai thác đất làm vật liệu san lấp tại thôn Cương Trung B, xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa (*khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 1,12 ha.
- Trữ lượng: 109.749 m³
- Giá khởi điểm: 182.949.000 đồng.

(*Bảng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng chẵn*).

2.8. Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy (*khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản*).

- Diện tích: 25,0 ha.
- Tài nguyên dự báo cấp 333: 10.000.000 m³
- Giá khởi điểm: 3%

* Tổng giá khởi điểm (tạm tính theo tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) của 08 khu vực đưa ra đấu giá: 44.522.000.000 đồng (làm tròn).

(*Bảng chữ: Bốn mươi bốn tỷ năm trăm hai mươi hai triệu đồng*).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo

quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, các tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 33 và Phụ lục I Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp;

Tổ chức hành nghề đấu giá Tài sản tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá Tài sản, cụ thể theo Phụ lục I đính kèm.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

1.1. Thời gian nộp hồ sơ: Liên tục từ 08 giờ 00 phút ngày 02/6/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 06/6/2025) (*trong giờ hành chính*).

1.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình (qua Phòng Khoáng sản, nước và Biến đổi khí hậu). Địa chỉ: 39 Trần Quang Khải, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

* Lưu ý:

- *Nộp trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện;*
- *Người đến nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và Căn cước công dân để đối chiếu.*
- *Hồ sơ tham gia lựa chọn hành nghề đấu giá tài sản phải được niêm phong và được đóng thành quyển (01 bộ); hồ sơ đã nộp không được trả lại; không thông báo kết quả đối với những đơn vị không được lựa chọn.*

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình thông báo để các Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Công Đấu giá tài sản quốc gia; (để đăng tin);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tin);
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KSNBĐKH.

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

PHỤ LỤC I

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNNMT ngày / /2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0

1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0

6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0

9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá.	1,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường trước đây) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.	3,0
2.1	<i>Dưới 02 hợp đồng</i>	1,0
2.2	<i>Từ 02 hợp đồng trở lên</i>	2,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
Tổng số điểm		100